

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi
Dự án: Đường trục Khu kinh tế nổi dài, đoạn Km4+00 – Km18+500,
theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT)

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đề xuất dự án đầu tư, Dự án: Đường trục Khu kinh tế nổi dài, đoạn Km4+00 - Km18+500, theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT),

Xét đề nghị của Ban QLDA Giao thông tỉnh tại Văn bản số 762/TTr-BQLDA ngày 11/7/2017 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 316/BC-SKHĐT ngày 14/7/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Đường trục Khu kinh tế nổi dài, đoạn Km4+00 - Km18+500, theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền: UBND tỉnh Bình Định.

Đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Ban QLDA Giao thông tỉnh.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty CP Tư vấn Thiết kế đường bộ.

4. Chủ nhiệm lập dự án: Thạc sỹ Bùi Mạnh Hùng.

5. Sự cần thiết đầu tư: Việc triển khai xây dựng tuyến Đường trục Khu kinh tế nổi dài, đoạn Km4+00 – Km18+500 là rất cần thiết, cấp bách và đây cũng là một chủ trương lớn của Tỉnh, nhằm từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông đối ngoại từ Khu kinh tế Nhơn Hội đến sân bay Phù Cát, mạng lưới đường quốc gia và tạo tiền đề, động lực phát triển Khu kinh tế Nhơn Hội nói riêng, của Tỉnh nói chung trong thời gian tới.

6. Mục tiêu đầu tư

- Góp phần phát triển, hoàn thiện mạng lưới giao thông cụm đô thị cửa ngõ phía Bắc thành phố Quy Nhơn và khu kinh tế Nhơn Hội.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế của thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, huyện Phù Cát, thu hút đầu tư và lấp đầy khu kinh tế Nhơn Hội. Đáp ứng được yêu cầu vận tải ngày càng tăng lên của tiến trình phát triển kinh tế.

- Tăng cường an ninh, quốc phòng: Bên cạnh QL19, tuyến đường nghiên cứu còn kết nối QL1A đi đường ven biển Bình Định nhằm đảm bảo có nhiều phương án sử dụng, vận chuyển đáp ứng yêu cầu quốc phòng trong tương lai.

7. Tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án: Tuyến đường thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054-2005), tốc độ thiết kế $V_{tk} = 80\text{km/h}$, với các tiêu chuẩn kỹ thuật chính như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị
1	Cấp đường	Đường cấp III, đồng bằng (TCVN 4054-2005)
2	Tốc độ tính toán V_{tt} , km/h	80
3	Độ dốc siêu cao lớn nhất I_{scmax} , %	4
4	Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất R_{min} , m	250
5	Độ dốc dọc lớn nhất (%)	5
6	Cầu được thiết kế với hoạt tải	HL93
7	Cống được thiết kế với hoạt tải	H30 -XB80
8	Tần suất thiết kế	
-	Nền đường, cống, cầu nhỏ	4%
-	Cầu lớn, cầu trung	1%
9	Cường độ mặt đường yêu cầu (MPa)	160

8. Địa điểm thực hiện dự án

- Điểm đầu Km4: thuộc xã Cát Chánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Điểm cuối Km18+500: Giao với Quốc lộ 1, tại Km1201+740, thuộc địa bàn phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn.

7/

- Chiều dài $L = 14,5\text{Km}$ qua địa bàn huyện Phù Cát và thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

9. Quy mô xây dựng

a. Nền, mặt đường

- Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 20,5\text{m}$.

+ Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 4 \times 3,5\text{m} = 14,0\text{m}$.

+ Bề rộng dải an toàn: $B_{\text{at}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$.

+ Bề rộng dải phân cách giữa: $B_{\text{dpc}} = 4,5\text{m}$.

+ Bề rộng lề đất: $B_{\text{lề đất}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$.

- Độ dốc mặt đường:

+ $I_{\text{mặt}} = 2\%$.

+ $I_{\text{lề đất}} = 6\%$

- Nền đường: nền đường đắp đất cấp phối đòi đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; Lớp nền thượng giáp đáy móng kết cấu áo đường dày 50cm đắp đất chọn lọc đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$.

- Nền đường đất yếu: Các đoạn nền đắp trên đất yếu xử lý bằng các giải pháp đào thay đất và bắc thấm.

- Mặt đường: Mặt đường làm mới, mở rộng gồm các lớp như sau:

+ Bê tông nhựa C12,5 dày 6cm;

+ Nhựa dính bám 0,5 Kg/m²;

+ Bê tông nhựa C19 dày 7cm;

+ Nhựa thấm bám 1Kg/m²;

+ Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm;

+ Cấp phối đá dăm loại I dày 30cm.

- Mặt đường tăng cường trên nền đường cũ gồm các lớp sau:

+ Bê tông nhựa C12,5 dày 6cm;

+ Nhựa dính bám 0,5 Kg/m²;

+ Bù vênh bê tông nhựa C12,5;

+ Nhựa dính bám 0,5 Kg/m².

• **Các công trình an toàn giao thông:** Bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo Điều lệ báo hiệu đường bộ Việt Nam QCVN 41: 2016/BGTVT. Biển báo dùng loại dán màng phản quang.

• **Đường gom:** Bố trí đường gom để tăng cường an toàn giao thông. Quy mô đường gom $B_n = 6,5\text{m}$, $B_m = 5,5\text{m}$. Kết cấu gồm các lớp sau:

- Bê tông xi măng C20 dày 20cm.

- Lớp giấy dầu tạo phẳng.

- Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm.

- Đắp vật liệu chọn lọc $K \geq 0,98$ dày 30cm.

74

- **Đường giao dân sinh**

- Đường giao dân sinh được thiết kế vuốt nối vào tuyến chính, bán kính vuốt nối tối thiểu $R = 3m$, độ dốc dọc vuốt nối vào các đường giao dân sinh theo cao độ tuyến chính. Phạm vi vuốt nối kết cấu mặt đường từ tim tuyến chính ra 30 - 50m tùy từng đường giao.

- Kết cấu mặt đường giao dân sinh:

- + BTXM C20 dày 20cm.
- + 01 lớp giấy dầu tạo phẳng.
- + Cấp phối đá dăm loại I ($D_{max} = 25$) dày 15 cm.

- **Nút giao:** các nút giao được thiết kế giao bằng cùng mức đơn giản, tự điều khiển phân luồng giao thông bằng đảo tự điều chỉnh, bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo QCVN 41:2016/BGTVT.

- **Gia cố mái ta luy**

- Đối với những đoạn nền đắp bình thường mái ta luy được trồng cỏ.
- Tại các đoạn nền đắp qua khu vực nước ngập thường xuyên, ta luy gia cố bằng tấm bê tông cốt thép C16 đúc sẵn kích thước 40x40x6(cm), trên lớp vữa XM C12 dày 3cm.

b. Dải phân cách, cây xanh: Dải phân cách kết cấu bằng bê tông bên trong đắp đất màu và trồng cây xanh.

c. Hệ thống điện chiếu sáng: Hệ thống điện chiếu sáng được thiết kế theo tiêu chuẩn TCXDVN 259-2001 do Bộ Xây dựng Ban hành theo Quyết định số 28/2001/QĐ-BXD ngày 13/11/2001.

d. Phần công trình thoát nước

- **Cống thoát nước nhỏ và mương cải**

- Thoát nước ngang: Xây dựng các cống hộp bằng Bê tông cốt thép và cống tròn Bê tông ly tâm khẩu độ từ 0,8m đến 1,5m.

- Thoát nước siêu cao: Tại các đoạn đường cong có bố trí siêu cao, bố trí khe thoát nước tại dải phân cách giữa với khoảng cách 20m/khe, để thoát nước mặt đường từ phía lưng đường cong sang bụng đường cong chảy ra khỏi mặt đường. Khe thoát nước bằng bê tông C16, rộng 20cm.

- Thoát nước dọc: Đoạn tuyến từ Km18+279 – Km18+500 đi qua khu vực đông dân cư sinh sống sát hai bên đường, bố trí hệ thống rãnh dọc chịu lực bằng bê tông cốt thép có nắp dẹt kích thước (0,6x0,6)m.

- Mương cải được thiết kế hợp lý phục vụ tưới tiêu bình thường.

- **Cống hộp lớn thoát nước ngang:** Các cống hộp lớn được thiết kế bằng BTCT, đặt trên móng cọc đóng BTCT 40x40cm, Trên tuyến gồm 01 cống hộp (5x4x4)m, 01 cống hộp (2x3x2)m, 01 cống hộp (2x4x3)m, 06 cống hộp (2x3x3)m, 01 cống hộp (4x3,2)m, 01 cống hộp (4x4x3)m, 02 cống hộp (3x3)m và 01 cống hộp (3x3x3)m.

• **Công trình cầu**

- Cầu được thiết kế theo tiêu chuẩn 22TCN 272 – 05; Cầu vĩnh cửu bằng BTCT DƯL và BTCT thường, tải trọng thiết kế: HL93, người 3KN/m², cầu gồm hai đơn nguyên mỗi đơn nguyên rộng 8,5m cách nhau 3,5m. Tổng chiều rộng cầu B_{cầu} = 8,5 + 3,5 + 8,5 = 20,5m, tải trọng thiết kế HL93; tần suất thiết kế P=1%.

- Kết cấu nhịp: Khẩu độ nhịp 24 - 33m. Kết cấu dầm I bằng BTCT DƯL, dầm bản bằng BTCT DƯL.

- Kết cấu móng, trụ: Mố trụ BTCT, móng cọc khoan nhồi BTCT D1200mm và móng cọc đóng BTCT 40x40cm.

TT	Tên cầu/ lý trình	Sơ đồ kết cấu	Chiều đài cầu (m)	Khổ cầu (m)	Kết cấu nhịp	Kết cấu móng
1	Cầu Cát Nhon, Km12+599,60	24+2x30+24	123,35 0	20,50	Dầm I BTCT DƯL, Dầm bản BTCT DƯL	Móng cọc khoan nhồi đường kính 1,2m
2	Cầu Giác Phong, Km15+469,60	3x24	83,200	20,50	Dầm I BTCT DƯL	Móng cọc BTCT 40x40cm
3	Cầu Nhon Thành, Km18+055,00	1x33	41,732	20,50	Dầm I BTCT DƯL	Móng cọc BTCT 40x40cm

10. Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư

Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành.

(Chi tiết theo Phương án tổng thể giải phóng mặt bằng của dự án).

11. Tổng vốn đầu tư của dự án: 1.055.350.085.000 đồng (Một ngàn, không trăm năm mươi lăm tỷ, ba trăm năm mươi triệu, không trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 732.531.495.000 đồng;
- Chi phí đền bù GPMB: 128.396.490.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 11.287.644.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 24.028.940.000 đồng;
- Chi phí khác: 45.421.270.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 113.684.246.000 đồng.

7/

12. Nguồn vốn đầu tư của dự án

- Ngân sách Nhà nước bố trí để thực hiện công tác GPMB là: 128.396.490.000 đồng.

- Quỹ đất đối ứng: khu Đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội thuộc Khu Kinh tế Nhơn Hội.

13. Kế hoạch thực hiện dự án

Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2017 đến năm 2019. Trong đó:

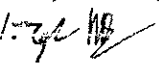
+ Lập, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, Thiết kế BVTC trong Quý 3 và Quý 4 năm 2017

+ Thi công (14 tháng): Từ Quý 4 năm 2017 đến hết Quý 4 năm 2018.

+ Hoàn thành đưa vào sử dụng: Quý 1 năm 2019.

Điều 2. Ban QLDA Giao thông tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng công trình, theo hình thức hợp đồng BT.

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /s/ 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- PVP CN;
- Lưu: VT, K7, K19.(M.17b) 

CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng